TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2020/DS - PT.
Ngày 11 tháng 9 năm 2020.
V/v Bồi thường thiệt hại và danh dự, nhân phẩm, uy tín.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Huyền;
Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Toàn;
Ông Nguyễn Kim Ái.
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên tòa:*Ông Nguyễn Quỳnh Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh P tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự phúc thẩm thụ lý số: 42/2020/DS -PT ngày 24 tháng 6 năm 2020 về việc "Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về nhân phẩm, danh dự, uy tín". Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2020/DS - ST ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 49/2020/QĐXX - PT ngày 21 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Hồng L, sinh năm 1948; Địa chỉ: Khu 1, xã T, huyện T, tỉnh P (có mặt).

Đại diện theo ủy quyền ông Phạm Văn T - sinh năm 1960; cư trú tại:Khu 1, xã T, huyện T, tỉnh P (theo Văn bản ủy quyền ngày 28/8/2020 (có mặt).

Bị đơn: Bà Lương Thị D, sinh năm 1962; Địa chỉ: Khu 8, xã T, huyện T, tỉnh P (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Phạm Hồng L trình bày: Vào tháng 7 năm 2018, bà Lương Thị D - sinh năm 1962, ở Khu 8, xã T, huyện T, tỉnh P đã nghi cho ông là hiếp dâm con gái bà tên là Phạm Thị Thanh H, sinh năm 1996, ở khu 8, xã T, huyện T, tỉnh P. Đến ngày 15/8/2018, bà D đã gửi đơn tố cáo ông về Công an huyện T, tỉnh P. Công an đã gọi ông nhiều lần để xét hỏi lấy lời khai, nhưng ông nói trước Công an huyện là

ông mắc tội thì ông sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật , còn nếu không phải bà Lương Thị D cố tình vu khống cho ông thì bà D phải chịu tội trước pháp luật.

Sau đó, Công an huyện T cho đi xét nghi ệm ADN, kết quả cho th ấy ông không có huyết thống cha con với con của chị Phạm Thị Thanh H. Bà Lương Thị D không tin tưởng vào kết quả lần 1 nên đã làm đơn yêu cầu Công an làm lại kết quả ADN. Lần 2 thì tiến hành khai quật tử thi lên và lấy mẫu đem về Viện pháp y Quốc gia xét nghiệm, đồng thời lần 2 kết quả cũng giống như lần 1. Tức là ông không có quan hệ cha con với cháu bé con của chị Phạm Thị Thanh H. Đến ngày 15/4/2019, Công an huyện T ra Thông báo không khởi tố vụ án hình sự đối với đơn của bà D đã tố giác ông với cơ quan Công an huyện T, lý do là ông Phạm Hồng L không có quan hệ huyết thống cha con với con của chị Phạm Thị Thanh H. Nhưng bà Lương Thị D vẫn lan truyền tung tin sai sự thật làm cho ông bức xúc nên ông đã làm đơn tố cáo bà D tội vu khống tới cơ quan Công an huyện T, tỉnh P. Sau một thời gian , Công an huyện T đã ra Thông báo không khởi tố vụ án hình sự với đơn tố cáo của ông, lý do là cơ quan Công an huyện đã xem xét không đủ yếu tố cấu thành tội vu khống theo quy định của Điều 156 Bộ luật Hình sự. Ông thấy không thoả đáng nên đã khiếu nại lên Viện kiểm sát nhân dân huyện T nhưng kết quả vẫn là như bên Công an huyện T đã trả lời theo Điều 156 Bộ luật Hình sự.

Tất cả các lời khai trên l à đúng sự thật nên ô ng đã làm đơn khởi kiện bà Lương Thị D đến Toà án nhân dân huyện T yêu cầu bà Lương Thị D bồi thường danh dự, nhân phẩm, uy tín là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), bồi thường thiệt hại tinh thần bị giảm sút là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), bồi thường chi phí đi lại là 5.000.000đ(Năm triệ u đồng). Tổng là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng). Nay ông đề nghị Toà án nhân dân huyện T giải quyết cho tôi theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là bà Lương Thị D trình bày: Bà với gia đình ông L không có quan hệ họ hàng anh em gì , chỉ là người cùng xã . Việc bà có đơn yêu cầu Công an huyện T vào cuộc điều tra việc ông Phạm Hồng L ở khu 1, xã T, huyện T có hành vi hiếp dâm con gái bà: Vào khoảng cuối tháng 3 đầu tháng 4/2018 âm lịch con bà là Phạm Thị Thanh H đi làm cỏ trên đồi cây thuộc rừng cây Quýt ở khu 8, xã T thì ông Phạm Hồng L đi thăm cây, ruộng cây ông L gần ruộng cây nhà bà, ông L mang lòng hiếp dâm con bà, nắm tay con bà đến ruộng nhà chị Hào ở gần đó rồi gạt ngã con tôi xuống, cởi quần con bà ra rồi xong đè lên người con bà.

Sau một thời gian bà phát hiện ra là cháu có thai, về bà tra hỏi cháu, thì cháu có khai ra là ông L. Bà để cho ông L có đến nhà bà nói với bà không nhưng ông L không đến, nên bà mới làm đơn đề nghị đến Công an huyện T. Công an huyện T nhận được đơn của bà có lên tại hiện trường thuộc đồi cây Quýt của xã bà để xác minh. Hôm đó có Công an huyện 04 người và Viện Kiểm sát 01 người, Công an xã 02 người, Trưởng khu 01 người, dân 08 người, cháu chỉ đúng vị trí cháu đứng làm cỏ mà ông L lôi cháu đi vào đến chỗ ông L hiếp cháu. Sau đó bà đưa cháu đi siêu âm thì không may cháu bị tim bẩm sinh Công an huyện khuyên bà là đi bỏ thai nhi nhưng con gái tôi cháu yếu và bệnh tật nên bà để lại

cho cháu sinh ở Bệnh viện phụ sản Trung ương. Lúc đi lấy mẫu cháu bà và con gái bà, bà không được biết, báo bà đi trả kết luận ADN cho là sai, bà thấy không đúng và không được minh bạch nên bà không chấp nhận. Sau đó cháu bà là Phạm Quốc H (con chị H) mất. Công an huyện T có đến nhà bà xin làm lại mẫu khai quật cháu Hùng lên, rồi lấy mẫu về Bệnh viện Quốc gia nhưng lần 2 vẫn sai với gia đình bà vì Công an huyện T làm không được thỏa đáng với gia đình bà và cháu Huyền.

Nay ông L khởi kiện yêu cầu bà bồi thường số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) bà không chấp nhận.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS- ST ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 584, khoản 1,2 Điều 585, Điều 592 của Bộ luật dân sự; khoản 1 - Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26; điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ - UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hồng L về yêu cầu bồi thường về danh dự, nhân phẩm, uy tín và tổn thất về tinh thần.

Xử: Buộc bà Lương Thị D phải có nghĩa vụ bồi thường cho ông Phạm Hồng L các khoản chi phí gồm: tiền đi lại là 1.120.000đ; tiền mất thu nhập thực tế là 2.000.000đ (200.000đ x 10 ngày); Tiền tổn thất về tinh thần là 7.450.000đ. Tổng cộng là: 10.570.000đ (Mười triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng).

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hồng L về yêu cầu bồi thường về danh dự, nhân phẩm, uy tín và tổn thất về tinh thần với tổng số tiền là 57.050.000đ (Năm mươi bảy triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Bản án còn tuyên về án phí và các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo: Ngày 25 tháng 5 năm 2020 bà Lương Thị D có đơn kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm số: 04/2020/DS-ST ngày 14/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, không chấp nhận bồi thường cho ông Phạm Hồng L.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020 ông Phạm Hồng L có đơn kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 14/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, không nhất trí với phần quyết định bồi thường thiệt hại tổn thất về danh dự, tinh thần của bản án sơ thẩm. Ông L, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh P xem xét lại để đảm bảo quyền lợi cho ông.

Tại phiên tòa ông Phạm Hồng L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đưa ra được chứng cứ nào mới và người ủy quyền cho ông Phạm Hồng L đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên toà Lương Thị D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bà D cũng không đưa được chứng cứ mới nào cho yêu cầu kháng cáo của bà. Bà D đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm cho bà được yêu cầu trợ giúp pháp lý vì hộ gia đình bà là hộ cận nghèo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P phát biểu quan điểm: Về tố tụng Thẩm phán,Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308, không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Hồng L, bà Lương Thị D; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2020/DS-ST ngày 14/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của VKSND tỉnh; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Hồng L, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc khởi kiện của ông L xuất phát từ việc bà D nghi ông L có hành vi hiếp dâm con gái bà (là Phạm Thị Thanh H) dẫn đến có thai nên đã có đơn tố cáo ông L đến Công an huyện T, tỉnh P. Sau đó Công an huyện T triệu tập ông L đến làm việc. Quá trình làm việc ông L khai ông không có hành vi hiếp dâm cháu Phạm Thị Thanh H (Là con gái của bà D). Cơ quan điều tra Công an huyện T đã tiến hành điều tra xác minh và căn cứ kết quả 2 lần giám định ADN có kết luận giám định pháp y về ADN đều có kết luận ông Phạm Hồng L không có quan hệ huyết thống bố - con với Phạm Quốc H (là con của chị Phạm Thị Thanh H) (BL 92 - 95) và kết luận ông không có hành vi hiếp dâm. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án ông cho rằng bà D đã vu khống cho ông tội hiếp dâm trước pháp luật, trước toàn thể nhân dân xã. Ngoài ra ông còn cho rằng cháu của bà D là người tạo ra và là người trực tiếp sử dụng facebook tên "Mai Hoàng" để đăng tải các thông tin thất thiệt nhằm bôi nhọ danh dự nhân phẩm của ông trên mạng xã hội. Ông đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét bồi thường tổn thất về tinh thần, danh dự và đề nghị bà D phải công khai xin lỗi ông trước phương tiện truyền thanh xã. Tuy nhiên, khi xem xét về mức bồi thường cần xem xét toàn diện và chỉ chấp nhận những chi phí hợp lý được quy định tại Điều 592 Bộ luật dân sự, Nghị quyết 03/2006/NQ- HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ các quy định của pháp luật để chấp nhận các chi phí hợp lý, khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần của ông L để làm căn cứ giải quyết về phần bồi thường. Hơn nữa, gia đình bà D thuộc diện hộ cận nghèo và chị Huyền con bà D đang ở với bà D là người thuộc diện bảo trợ xã hội. Do đó để đảm bảo quyền lợi chính đáng cho ông L và nguyên tắc bồi thường, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận các khoản chi phí gồm:

+ Tiền chi phí hợp lý các lần ông L bị Công an huyện báo gọi (các tài liệu ông L cung cấp chứng minh) phù hợp với Giấy triệu tập của Công an huyện được lưu trong hồ sơ, với số tiền là 1.120.000đ.

+ Tiền mất thu nhập thực tế: Qua xác minh tại địa phương và tại phiên tòa ông L xác định ngày công trung bình của người lao động phổ thông thì mức

thu nhập là 200.000đ/1 ngày. Số ngày ông L bị Công an huyện T triệu tập làm việc là 10 ngày (200.000đ/1 ngày x 10 = 2.000.000đ).

+ Tiền tổn thất về tinh thần : Căn cứ khoản 2 Điều 592 Bộ luật dân sự mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thoả thuận, nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa cho một người có danh dự nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm không quá 10 lần mức lương cơ sở do nhà nước quy định (nghĩa là không quá 14.900.000đ). Để đảm bảo quyền lợi cho ông L và nguyên tắc bồi thường nên chỉ cần buộc bà D bồi thường cho ông L một khoản tiền bằng 1/2 theo quy định của pháp luật là 7.450.000đ là phù hợp.

Tổng cộng các khoản bà D phải bồi thường cho ông L là: tiền đi lại là 1.120.000đ; tiền mất thu nhập thực tế là 2.000.000đ (200.000đ x 10 ngày); Tiền tổn thất về tinh thần là 7.450.000đ. **Tổng cộng là: 10.570.000đ** (Mười triệu, năm trăm bảy mươi nghìn đồng) là phù hợp.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của bà Lương Thị D không đồng ý bồi thường như bản án sơ thẩm đã tuyên, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong hồ sơ thể hiện tại các bản kết quả giám định lần 1 và lần 2 giám định ADN đều có kết luận ông Phạm Hồng L không có quan hệ huyết thống bố - con với cháu Phạm Quốc H (là con của chị Phạm Thị Thanh H) và không có căn cứ là ông Phạm Hồng L đã hiếp dâm chị Phạm Thị Thanh H. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ việc ông L đã bị các cơ quan tiến hành tố tụng báo gọi làm việc nhiều lần, bị xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín...Do vậy,Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hồng L về yêu cầu bồi thường về danh dự, nhân phẩm, uy tín và tổn thất về tinh thần và buộc bà Lương Thị D phải có nghĩa vụ bồi thường cho ông Phạm Hồng L số tiền 10.570.000đ (Mười triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng) là có căn cứ.

Theo quy định tại Điều 592 Bộ Luật dân sự 2015 và Nghị quyết: 03/2006/NQ- HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng thì người chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác bị xâm phạm phải bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 1 Điều này và một khoản tiền khác để bù đắp tổn thất về tinh thần mà người đó gánh chịu. Mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa cho một người có danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm không quá mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định. Do vậy, kháng cáo của bà Lương Thị D không được chấp nhận.

Đối với yêu cầu của bà Lương Thị D về việc bà là đối tượng được hưởng chính sách người được trợ giúp pháp lý. Căn cứ tài liệu bà cung cấp cho Tòa án thì gia đình bà là hộ cận nghèo chứ không phải là hộ nghèo, đối với hộ cận nghèo được trợ giúp pháp lý trong trường hợp người bị buộc tội là hộ cận nghèo, bà D cũng chưa phải là người cao tuổi. Do vậy, bà Lương Thị D không thuộc trường hợp người được trợ giúp pháp lý được quy định tại Điều 7 Luật trợ giúp pháp lý.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2020/DS-ST ngày 14/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P tại phần Quyết định không tuyên khi bản án có hiệu

lực pháp luật nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu phần lãi xuất chậm trả là thiếu sót, cần phải bổ sung phần tuyên về lãi xuất để đảm bảo cho việc thi hành án.

Từ những căn cứ trên, không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Hồng L, bà Lương Thị D, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS -ST ngày 14/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của ông Phạm Hồng L không được chấp nhận, tuy nhiên ông L thuộc trường hợp người cao tuổi (điểm d, đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ - UBTVQH14 ngày 30/12/2016) nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo của bà Lương Thị D không được chấp nhận, tuy nhiên bà D thuộc trường hợp hộ cận nghèo (điểm đ Điều 12Nghị quyết 326/2016/NQ - UBTVQH14 ngày 30/12/2016) nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Hồng L và bà Lương Thị D; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2020/DS - ST ngày 14/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P.

Căn cứ khoản 1 Điều 584, khoản 1,2 Điều 585, Điều 592 của Bộ luật dân sự; khoản 1 - Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hồng L về yêu cầu bồi thường về danh dự, nhân phẩm uy tín và tổn thất về tinh thần;

Xử: Buộc bà Lương Thị D phải có nghĩa vụ bồi thường cho ông Phạm Hồng L các khoản chi phí gồm: tiền đi lại là 1.120.000đ; tiền mất thu nhập thực tế là 2.000.000đ (200.000đ x 10 ngày); Tiền tổn thất về tinh thần là 7.450.000đ. Tổng cộng là: 10.570.000đ (Mười triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu, nếu người phải thi hành án không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hồng L về yêu cầu bồi thường về danh dự, nhân phẩm uy tín và tổn thất về tinh thần với tổng số tiền là 57.050.000đ (Năm mươi bảy triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

2. Về án phí: Căn cứ vào điểm d, đ khoản 1 Điều 12; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ - UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Ông Phạm Hồng L, bà Lương Thị D được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh P;
- Chi cục THA H. T;
- TAND H. T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, TDS, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thu Huyền